

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Viết Ty
Bà Phạm Thị Sơn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá, tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP S, thị trấn L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá (nay là TDP S, xã L, tỉnh Thanh Hoá). Số CCCD: 038094017092.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tuyên: Công ty Luật TNHH Việt Nam Minh Khang. SĐT: 0362735057.

Địa chỉ: 72 Hoàng Sâm, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm: 1994, vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: TDP L, thị trấn L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá (nay là TDP L, thị trấn L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá). Số CMND: 174667925.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2025, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày:*

1. Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Yên Định, (nay là UBND xã L), tỉnh Thanh Hóa ngày 07/02/2014. Đến năm 2016, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó đến nay chưa về Việt Nam. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, khoảng cách xa nhau nên vợ chồng không có thời gian chia sẻ với nhau. Vợ chồng anh sống ly thân nhiều năm nay.

Nay, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trương Thị H.

Hiện nay, chị H đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan còn địa chỉ cụ thể anh không biết vì anh và chị H đã sống ly thân từ lâu nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị H để cung cấp cho Tòa án. Anh biết chị H vẫn liên lạc thường xuyên với gia đình, người thân thích của chị H ở Việt Nam.

2. Về con: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/11/2014, cháu đang ở cùng anh Tuyến. Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Quỳnh A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các biên bản lấy lời khai, bà Bùi Thị T trình bày:*

Bà Bùi Thị T là mẹ đẻ của chị Trương Thị H, anh Phạm Văn T là con rể của bà. Anh T và chị H kết hôn với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn hai vợ chồng Anh T và chị H ở nhà bà tại TDP S, thị trấn L, huyện Yên Định, (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa. Đến năm 2016 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay chưa về Việt Nam. Vì thế mà vợ chồng anh Tuyến, chị H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và khoảng cách địa lý. Hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn cho 2 anh chị đoàn tụ nhưng không giải quyết được. Nay Anh T làm đơn ly hôn chị H, quan điểm của bà là thống nhất để Anh T được ly hôn chị H.

Vợ chồng anh Tuyến, chị H có 01 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/11/2014, cháu đang ở cùng Anh T và ông bà nội. Anh T và chị H ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cháu Quỳnh A cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay chị H đang đi làm ăn xa không có mặt tại Việt Nam để chăm sóc cháu.

Hai vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Chị H hiện đang ở Đài Loan, bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H nhưng bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị H. Bà tự nguyện nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông tin lại cho chị H.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn T, xử cho Anh T được ly hôn chị H. Về con: Giao cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/11/2014 cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn là chị Trương Thị H đăng ký hộ khẩu tại thị trấn L, huyện Yên Định, (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay chị H đang sinh sống tại Đài Loan. Do bị đơn cư trú ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị H tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà Bùi Thị T là mẹ đẻ của chị H trình bày không biết địa chỉ của chị H ở Đài Loan. Tuy chị H thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của chị hiện nay ở nước ngoài. Bà Bùi Thị T vẫn thường xuyên liên lạc với chị H nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị H. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Văn T có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là chị Trương Thị H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Trương Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu gửi đến Tòa án, Anh T đều trình bày vợ chồng anh đã mâu thuẫn, ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Thực tế vợ chồng mỗi người một nơi. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho Anh T được ly hôn chị H.

[2.2]. Về con: Anh T và chị H có 01 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/11/2014, cháu Quỳnh A đang ở với anh Tuyền. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Quỳnh A xin được ở với bố. Xét thấy nguyện vọng của Anh T xin được trực tiếp nuôi con là chính đáng vì hiện nay chị H đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi con được. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Quỳnh A, cần giao cháu Quỳnh A cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con, đây là sự tự nguyện của Anh T nên chấp nhận. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. chị H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu chị H yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí Anh T đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn T.

- Về hôn nhân: Cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Trương Thị H.

- Về con: Công nhận cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/11/2014 là con chung của anh Phạm Văn T và chị Trương Thị H. Giao cháu Quỳnh A cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Trương Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí Anh T đã nộp theo Biên lai thu số 891 ngày 06/6/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo:

Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Trương Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã L, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Lưu Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy